



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2804~~ 2022/CV-JVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

V/v: CBTT BCTC Quý IV/2021 và

Giải trình biến động LNST

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
- Mã chứng khoán: JVC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thảo Hương
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính Quý IV năm 2021 giai đoạn 01/01/2022 – 31/03/2022 như sau:

1. Báo cáo tài chính Quý IV/2021 (giai đoạn 01/01/2022-31/03/2022) đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:

<https://ytevietnhat.com.vn/danh-muc-tin/bao-cao-tai-chinh-37>

2. Giải trình Báo cáo tài chính Quý IV/2021 (giai đoạn 01/01/2022-31/03/2022) do Lợi nhuận sau thuế biến động hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng Quý IV/2021 (giai đoạn 01/01/2022-31/03/2022):

STT	Chỉ tiêu so sánh	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Chênh lệch (VND)	Tỷ lệ %
1	Các khoản giảm trừ doanh thu	12.380.953	126.954.761	(114.573.808)	(90,25%)
2	Giá vốn hàng bán	75.384.140.076	86.233.787.210	(10.849.647.134)	(12,58%)

STT	Chỉ tiêu so sánh	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Chênh lệch (VND)	Tỷ lệ %
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng	14.408.643.366	7.668.626.904	6.740.016.462	87,89%
4	Chi phí tài chính	1.065.945.540	824.627.957	241.317.583	29,26%
5	Trong đó: Chi phí lãi vay	1.051.539.262	805.791.355	245.747.907	30,50%
6	Chi phí bán hàng	10.576.222.800	11.833.236.363	(1.257.013.563)	(10,62%)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.994.225.588	15.040.612.565	(7.046.386.977)	(46,85%)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.518.061.557)	(17.213.397.054)	14.695.335.497	85,37%
9	Thu nhập khác	4.085.269.780	641.933.111	3.443.336.669	536,40%
10	Chi phí khác	272.485.796	1.911.754.593	(1.639.268.797)	(85,75%)
11	Lợi nhuận khác	3.812.783.984	(1.269.821.482)	5.082.605.466	400,26%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.294.722.427	(18.483.218.536)	19.777.940.963	107,00%
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.294.722.427	(18.483.218.536)	19.777.940.963	107,00%

Quý IV năm 2021, Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty tăng 107,00% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính phải kể đến bao gồm:

- Giá vốn bán hàng giảm 12,58% so với cùng kỳ do trong kỳ không phát sinh ghi nhận bổ sung chi phí giá vốn bán hàng như kỳ Quý IV năm 2020 (Việc ghi nhận bổ sung này đã được giải trình tại BCTC Quý IV năm 2020). Giá vốn bán hàng giảm khiến lợi nhuận gộp tăng 87,89% so với cùng kỳ.

- Chi phí tài chính và chi phí lãi vay tăng tương ứng 29,26% và 30,50% so với cùng kỳ do Công ty thay đổi cách thức sử dụng vốn.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm tương ứng 10,62% và 46,85% so với cùng kỳ.

- Thu nhập khác tăng mạnh 536,40% và chi phí khác giảm 85,75% so với cùng kỳ do công ty phát sinh hoạt động thanh lý tài sản, đây đều là các tài sản lâu đời, không còn giá trị còn lại. Hai chỉ số này khiến lợi nhuận khác tăng 400,26% so với cùng kỳ.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2021 (giai đoạn 01/01/2022-31/03/2022):

STT	Chỉ tiêu so sánh	Quý IV/2022	Quý IV/2020	Chênh lệch (VND)	Tỷ lệ %
1	Các khoản giảm trừ doanh thu	12.380.953	126.954.761	(114.573.808)	(90,25%)



2	Giá vốn hàng bán	75.989.446.335	90.019.136.816	(14.029.690.481)	(15,59%)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng	12.435.868.956	3.422.577.216	9.013.291.740	263,35%
4	Chi phí tài chính	1.065.945.540	824.627.957	241.317.583	29,26%
5	Trong đó: Chi phí lãi vay	1.051.539.262	805.791.355	245.747.907	30,50%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.938.410.270	15.150.086.697	(6.211.676.427)	(41,00%)
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.919.625.533)	(21.805.718.802)	14.886.093.269	68,27%
8	Thu nhập khác	4.181.247.839	777.679.474	3.403.568.365	437,66%
9	Chi phí khác	272.503.016	1.911.983.318	(1.639.480.302)	(85,75%)
10	Lợi nhuận khác	3.908.744.823	(1.134.303.844)	5.043.048.667	444,59%
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.010.880.710)	(22.940.022.646)	19.929.141.936	86,87%
12	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(322.362.302)	16.924.905	(339.287.207)	(2.004,66%)
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.688.518.408)	(22.956.947.551)	20.268.429.143	88,29%
14	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(2.661.971.487)	(22.956.947.551)	20.294.976.064	88,40%

Quý IV năm 2021, Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty tăng 88,40% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính phải kể đến bao gồm:

- Giá vốn bán hàng giảm 15,59% so với cùng kỳ do trong kỳ không phát sinh ghi nhận bổ sung chi phí giá vốn bán hàng như kỳ Quý IV năm 2020 (Việc ghi nhận bổ sung này đã được giải trình tại BCTC Quý IV năm 2020). Giá vốn bán hàng giảm khiến lợi nhuận gộp tăng 263,35% so với cùng kỳ.

- Chi phí tài chính, chi phí lãi vay tăng tương ứng 29,26% và 30,50% so với cùng kỳ do Công ty thay đổi cách thức sử dụng vốn.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm 41,00% so với cùng kỳ.

- Thu nhập khác tăng mạnh 437,66% và chi phí khác giảm 85,75% so với cùng kỳ do công ty phát sinh hoạt động thanh lý tài sản, đây đều là các tài sản lâu đời, không còn giá trị còn lại. Hai chỉ số này khiến lợi nhuận khác tăng 444,59% so với cùng kỳ.



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN THẢO HƯƠNG

